



CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ HẢI PHÒNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2021 ĐẾN NGÀY 30/06/2021**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 20

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ HẢI PHÒNG

Số 19 Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ sổ Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

BAN QUẢN LÝ

Các thành viên của Ban Quản lý Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Quản lý

Ông Lê Văn Phúc	Chủ tịch
Ông Vũ Nguyễn Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Quốc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Ông Lê Văn Phúc	Chủ tịch
-----------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Nguyễn Khánh
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 07 năm 2021

Số: 062/BCSX-ACC.DH

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Ban Quản lý
Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng, được lập ngày 26 tháng 07 năm 2021, từ trang 03 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Huy Hoàng

Phó Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4460-2019-084-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – TƯ VẤN ĐỊNH
GIÁ ACC_VIỆT NAM – CHI NHÁNH DUYÊN HẢI**

Hải Phòng, ngày 26 tháng 07 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		61.458.029.023	57.678.472.769
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.110.987.168	4.140.723.511
1. Tiền	111		3.057.708.185	965.749.891
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.053.278.983	3.174.973.620
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	50.232.513.808	47.614.242.664
1. Đầu tư ngắn hạn	121		50.232.513.808	47.614.242.664
III. Phải thu ngắn hạn	130		4.440.218.957	4.076.378.291
1. Phải thu khách hàng	131	6	338.587.525	282.456.925
2. Trả trước cho người bán	132		1.751.600.000	1.231.600.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	6	1.489.111.053	1.125.267.392
4. Các khoản phải thu khác	135	7	1.139.320.932	1.715.454.527
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(278.400.553)	(278.400.553)
IV. Hàng tồn kho	140		656.693.020	673.005.204
1. Hàng tồn kho	141	8	656.693.020	673.005.204
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.017.616.070	1.174.123.099
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	332.161.136	481.560.698
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	12	-	7.107.467
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	685.454.934	685.454.934
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.292.769.994	24.921.806.087
I. Tài sản cố định	220		24.169.343.077	24.711.856.601
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	22.858.647.280	23.407.160.804
- Nguyên giá	222		34.267.806.112	34.576.454.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.409.158.832)	(11.169.293.666)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		158.710.500	158.710.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(158.710.500)	(158.710.500)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1.310.695.797	1.304.695.797
II. Tài sản dài hạn khác	260		123.426.917	209.949.486
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	123.426.917	209.949.486
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		85.750.799.017	82.600.278.856

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		12.596.676.933	10.327.116.953
I. Nợ ngắn hạn	310		12.062.514.283	9.804.594.303
1. Phải trả người bán	312		741.950.738	327.255.961
2. Người mua trả tiền trước	313		229.077.850	237.516.850
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.406.559.335	244.158.899
4. Phải trả công nhân viên	315		1.333.261.748	2.209.238.321
5. Phải trả nội bộ	317		6.847.347	109.563.834
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	850.514.981	968.322.440
7. Dự phòng phải trả nợ ngắn hạn	320	14	6.342.016.388	4.092.016.388
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.152.285.896	1.616.521.610
II. Nợ dài hạn	330		534.162.650	522.522.650
1. Phải trả dài hạn khác	333	13	534.162.650	522.522.650
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		73.154.122.084	72.273.161.903
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	73.154.122.084	72.273.161.903
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		72.194.184.216	72.194.184.216
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		880.960.181	-
3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		78.977.687	78.977.687
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		85.750.799.017	82.600.278.856



Vũ Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 07 năm 2021

Lê Thu Hương
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hiền
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Năm trước
1.	Doanh thu	01		41.397.108.176	77.655.965.097
1.1.	Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		40.232.017.266	75.219.524.550
1.1.1.	Xổ số truyền thống	01.1.1		12.483.918.180	22.871.809.090
1.1.2.	Xổ số cào	01.1.2		163.804.545	135.309.090
1.1.3.	Xổ số bốc	01.1.3		728.021.821	1.360.612.728
1.1.4.	Xổ số lô tô	01.1.4		26.856.272.720	50.851.793.642
1.2.	Doanh thu kinh doanh khác	01.2		1.165.090.910	2.436.440.547
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.247.654.429	9.811.242.328
2.1.	Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		5.247.654.429	9.811.242.328
2.1.1.	Xổ số truyền thống	02.1.1		1.628.337.152	2.983.279.446
2.1.2.	Xổ số cào	02.1.2		21.365.810	17.649.012
2.1.3.	Xổ số bốc	02.1.3		94.959.370	177.471.220
2.1.4.	Xổ số lô tô	02.1.4		3.502.992.097	6.632.842.650
3.	Doanh thu thuần (10=01-02)	10	16	36.149.453.747	67.844.722.769
3.1.	Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		34.984.362.837	65.408.282.222
3.1.1.	Xổ số truyền thống	10.1.1		10.855.581.028	19.888.529.644
3.1.2.	Xổ số cào	10.1.2		142.438.735	117.660.078
3.1.3.	Xổ số bốc	10.1.3		633.062.451	1.183.141.508
3.1.4.	Xổ số lô tô	10.1.4		23.353.280.623	44.218.950.992
3.2.	Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		1.165.090.910	2.436.440.547
4.	Chi phí kinh doanh	11	17	34.770.830.360	66.451.457.170
4.1.	Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		34.760.430.360	66.439.887.170
4.1.1.	Chi phí trả thưởng	11.1.1		20.161.837.231	37.550.703.469
4.1.2.	Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		14.598.593.129	28.889.183.701
4.2.	Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2		10.400.000	11.570.000
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.378.623.387	1.393.265.599
5.1.	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		223.932.477	(1.031.604.948)
5.2.	Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	20.2		1.154.690.910	2.424.870.547

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

				Đơn vị: VND	
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Năm trước
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	769.697.765	3.140.821.246
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	1.047.128.500	2.583.542.853
9.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25))	30		1.101.192.652	1.950.543.992
10.	Thu nhập khác	31		7.574	6.507.896
11.	Chi phí khác	32		-	3.460.000
12.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.574	3.047.896
13.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.101.200.226	1.953.591.888
14.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	220.240.045	308.681.925
15.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		880.960.181	1.644.909.963



Vũ Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 07 năm 2021

Lê Thu Hương
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hiền
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	1.101.200.226	1.953.591.888
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	548.513.524	1.138.815.016
Các khoản dự phòng	03	2.250.000.000	2.371.991.829
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(769.697.765)	(3.140.160.085)
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.130.015.985	2.324.238.648
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(356.733.199)	(1.324.195.444)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	16.312.184	43.441.682
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	130.775.454	427.271.558
Thay đổi chi phí trả trước	12	235.922.131	389.900.560
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(165.141.892)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(563.228.910)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.991.150.663	1.297.428.094
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	302.648.358	(84.254.545)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(44.319.160.307)	(44.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	41.700.889.163	34.651.702.969
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	294.735.780	3.824.904.232
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.020.887.006)	(6.307.647.344)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	970.263.657	(5.010.219.250)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.140.723.511	9.150.942.761
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.110.987.168	4.140.723.511



Vũ Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 07 năm 2021

Lê Thu Hương
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hiền
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng trụ sở đặt tại 19 Điện Biên Phủ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, được thành lập theo Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 30/06/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển công ty Xổ số thành Công ty TNHH MTV Xổ số và đầu tư tài chính Hải Phòng và Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển Công ty TNHH MTV Xổ số và đầu tư tài chính Hải Phòng thành Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 20/11/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ tư ngày 07/02/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn Điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là: 80.000.000.000 đồng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có các chi nhánh trực thuộc như sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
1	Chi nhánh Kiến An, An Lão - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng	Số 2 đường Nguyễn Lương Bằng – Phường Phù liên, Kiến An, Hải Phòng Số 9 đường Nguyễn Văn Trỗi - TT An Lão, An Lão, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
2	Chi nhánh An Dương - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng	Số 8 đường 351 Tổ 1 - TT An Dương, An Dương, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
3	Chi nhánh Thủy nguyên-Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng	Đường Đà Nẵng - TT Núi đèo, Thủy Nguyên, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
4	Chi nhánh Kiến Thụy - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng	Khu Cẩm xuân - Thị trấn Núi đôi, Kiến Thụy, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
5	Chi nhánh Đồ Sơn, Dương Kinh - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng	Số 250 Lý Thánh Tông - Phường Ngọc Hải, Đồ Sơn, Hải Phòng Khu dân cư Ninh hải, Phường Anh dũng, Kinh Dương, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
6	Chi nhánh Vĩnh Bảo, Tiên Lãng - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng	Đường 20/8 - Thị trấn Vĩnh bảo, Vĩnh Bảo, Hải Phòng Khu 2 - Thị trấn Tiên Lãng, Tiên Lãng, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
7	Chi nhánh Bạch Long Vỹ - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng	Khu dân cư số 1, đường tuyến 2, Bạch Long Vỹ, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
8	Chi nhánh Cát Hải - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng	Tổ 7A, Khu dân phố 2A, TT Cát Bà, Cát Bà, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động xổ số cá cược và đánh bạc
- Chi tiết: Hoạt động xổ số, đặt cược, các trò chơi có thưởng
- Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Chi tiết: Cho thuê văn phòng

Hoạt động chính: Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xổ số truyền thống, xổ số bốc và lô tô các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng.

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01 đến ngày 30/6 hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số ban hành theo thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Luật kế toán mới

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư ngắn hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị quản lý	03 – 07

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của Chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Quyết định của Chủ sở hữu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp trong năm phát sinh từ hoạt động kinh doanh xổ số.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	475.561.800	231.943.800
Tiền gửi ngân hàng	2.582.146.385	733.806.091
Các khoản tương đương tiền (*)	2.053.278.983	3.174.973.620
Cộng	5.110.987.168	4.140.723.511

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng Thương mại cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn

Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hải Phòng
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Hải Phòng

Cộng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
	13.900.000.000	-	8.000.000.000	-
	3.614.684.932	-	8.300.000.000	-
	6.317.828.876	-	10.714.242.664	-
	26.400.000.000	-	20.600.000.000	-
	50.232.513.808	-	47.614.242.664	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ PHẢI THU NỘI BỘ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	338.587.525	282.456.925
Dương Thị Minh Ngọc	56.265.240	79.072.840
Phạm Thị Dinh	53.525.785	112.505.585
Công ty TNHH TYOGA Quốc Tế (CN Hải Phòng)	213.652.000	82.572.000
Nguyễn Thị Minh	4.814.500	4.706.500
Đối tượng khác	10.330.000	3.600.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	1.489.111.053	1.125.267.392
Chi nhánh Xổ số Đồ Sơn - Dương Kinh	207.926.584	175.442.590
Chi nhánh Xổ số Kiến An - An Lão	15.951.067	-
Chi nhánh Xổ số An Dương	71.448.179	41.957.409
Chi nhánh Xổ số Kiến Thụy	376.995.972	360.250.061
Chi nhánh Xổ số Vĩnh Bảo - Tiên Lãng	138.570.263	82.362.168
Chi nhánh Xổ số Cát Hải	602.915.943	452.248.726
Chi nhánh Xổ số Bạch Long Vĩ	75.303.045	13.006.438
Cộng	1.827.698.578	1.407.724.317

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi phải thu	-	842.668.658
Phải thu các chi nhánh	196.644.771	192.751.303
Phải thu khác	942.676.161	680.034.566
Cộng	1.139.320.932	1.715.454.527

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ	113.220.999	139.749.964
Hàng gửi đi bán	-	24.246.014
Vé xổ số	519.329.029	509.009.226
Cộng giá gốc hàng tồn kho	656.693.020	673.005.204
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	656.693.020	673.005.204

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	332.161.136	481.560.698
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	332.161.136	481.560.698
Dài hạn	123.426.917	209.949.486
Chi phí duy tu, sửa chữa TSCĐ	-	186.475.435
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	123.426.917	23.474.051
Cộng	455.588.053	691.510.184

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý (*)	685.454.934	685.454.934
Cộng	685.454.934	685.454.934

(*) Phản ánh những khoản phải thu khó có khả năng thu hồi do các đối tượng nợ đã giải thể hoặc đã chết. Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với một số đối tượng có đủ hồ sơ trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa	Máy móc	Phương tiện	Thiết bị	Tổng cộng
	vật kiến trúc	thiết bị	vận tải	quản lý	
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	27.011.703.748	4.414.532.630	2.065.031.191	1.085.186.901	34.576.454.470
Thanh lý	-	-	(32.421.600)	(276.226.758)	(308.648.358)
Số cuối kỳ	27.011.703.748	4.414.532.630	2.032.609.591	808.960.143	34.267.806.112
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	5.012.283.902	3.895.061.426	1.176.761.437	1.085.186.901	11.169.293.666
Khấu hao trong năm	281.845.906	186.990.050	79.677.568	-	548.513.524
Thanh lý	-	-	(32.421.600)	(276.226.758)	(308.648.358)
Số cuối kỳ	5.294.129.808	4.082.051.476	1.224.017.405	808.960.143	11.409.158.832
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	21.999.419.846	519.471.204	888.269.754	-	23.407.160.804
Số cuối kỳ	21.717.573.940	332.481.154	808.592.186	-	22.858.647.280

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối năm là: 2.407.799.938 đồng, tại ngày đầu năm là: 2.716.448.296 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Phát sinh tăng trong năm VND	Phát sinh giảm trong năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu				
Thuế GTGT	-	164.980.307	172.087.774	7.107.467
Cộng	-	164.980.307	172.087.774	7.107.467
Phải nộp				
Thuế GTGT	531.020.530	3.979.472.950	3.448.452.420	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	754.304.942	5.247.654.429	4.575.405.811	82.056.324
Thuế TNDN	118.975.981	220.240.045	165.141.892	63.877.828
Thuế TNCN	2.257.882	68.475.745	164.442.610	98.224.747
Thuế nhà đất	-	148.728.500	148.728.500	-
Các loại thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
Cộng	1.406.559.335	5.696.098.719	5.064.718.813	244.158.899

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	850.514.981	968.322.440
Phải trả các chi nhánh	711.124.656	756.716.529
Doanh thu chưa thực hiện	102.780.000	106.980.000
Phải trả, phải nộp khác	36.610.325	104.625.911
Dài hạn	534.162.650	522.522.650
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	534.162.650	522.522.650
Cộng	1.384.677.631	1.490.845.090

14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
Dự phòng rủi ro trả thưởng	6.342.016.388	4.092.016.388
Cộng	6.342.016.388	4.092.016.388

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư XD CD VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	72.194.184.216	-	78.977.687	72.273.161.903
Lợi nhuận trong năm	-	1.644.909.963	-	1.644.909.963
Phân phối lợi nhuận	-	(1.644.909.963)	-	(1.644.909.963)
Số dư đầu năm nay	72.194.184.216	-	78.977.687	72.273.161.903
Lợi nhuận trong kỳ	-	880.960.181	-	880.960.181
Số dư cuối kỳ nay	72.194.184.216	880.960.181	78.977.687	73.154.122.084

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 80.000.000.000 VND. Tại ngày cuối năm, số vốn thực góp của chủ sở hữu như sau:

	Theo Giấy CND KDN VND	Vốn đã góp đến			
		Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	Tỉ lệ (%)	VND	Tỉ lệ (%)
Vốn nhà nước	80.000.000.000	72.194.184.216	90%	72.194.184.216	90%
Cộng	80.000.000.000	72.194.184.216	90%	72.194.184.216	90%

16. DOANH THU THUẦN

	Kỳ này VND	Năm trước VND
Doanh thu	41.397.108.176	77.655.965.097
Doanh thu kinh doanh xổ số	40.232.017.266	75.219.524.550
Xổ số truyền thống	12.483.918.180	22.871.809.090
Xổ số cào	163.804.545	135.309.090
Xổ số bốc	728.021.821	1.360.612.728
Xổ số lô tô	26.856.272.720	50.851.793.642
Doanh thu kinh doanh khác	1.165.090.910	2.436.440.547
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.247.654.429	9.811.242.328
Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	5.247.654.429	9.811.242.328
Xổ số truyền thống	1.628.337.152	2.983.279.446
Xổ số cào	21.365.810	17.649.012
Xổ số bốc	94.959.370	177.471.220
Xổ số lô tô	3.502.992.097	6.632.842.650
Doanh thu thuần	36.149.453.747	67.844.722.769
Hoạt động kinh doanh xổ số	34.984.362.837	65.408.282.222
Hoạt động kinh doanh khác	1.165.090.910	2.436.440.547

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

17. CHI PHÍ KINH DOANH

	Kỳ này VND	Năm trước VND
Chi phí kinh doanh xổ số	34.760.430.360	66.439.887.170
Chi phí trả thưởng	20.161.837.231	37.550.703.469
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	14.598.593.129	28.889.183.701
Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	10.400.000	11.570.000
Cộng	34.770.830.360	66.451.457.170

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	762.293.394	3.120.950.085
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.404.371	19.871.161
Cộng	769.697.765	3.140.821.246

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Năm trước VND
Chi phí lương viên chức quản lý	887.400.000	1.673.620.000
Chi phí khác	159.728.500	909.922.853
Cộng	1.047.128.500	2.583.542.853

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	1.101.200.226	1.953.591.888
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	251.279.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ		251.279.000
Thu nhập chịu thuế	1.101.200.226	2.204.870.888
Trừ: Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	1.101.200.226	2.204.870.888
Thuế suất thông thường	20%	20%
Giảm 30% theo Nghị Quyết 116/2020	-	(132.292.253)
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	220.240.045	308.681.925

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền lương	741.867.400	1.532.199.387

22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc khẳng định rằng không có giao dịch, sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng trọng yếu tới tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.



Vũ Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 07 năm 2021

Lê Thu Hương
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hiền
Người lập